

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

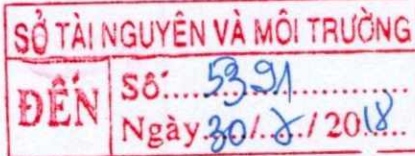
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2018/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 19 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 Chương II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2020



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 Chương II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Các nội dung còn lại không được đề cập tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản pháp luật*);
- Bộ Tài chính (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng



PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
GIẢI ĐOẠN 2017-2020

*(Kèm theo Nghị quyết số 12 /2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Nội dung	Tỷ lệ điều tiết		
		Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp tỉnh
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới			
1	Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất từ đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng (sau khi trừ đi chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và các chi phí hợp pháp khác tạo quỹ đất)			
a)	Nguồn thu do cấp tỉnh thực hiện			
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng nông thôn mới	10%, nhưng lũy kế số tiền sử dụng đất điều tiết cho 01 xã không quá 05 tỷ đồng/năm	0%	0%
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh; Số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%	0%	Số thu còn lại sau khi điều tiết cho ngân sách xã
b)	Nguồn thu do cấp huyện thực hiện			
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng nông thôn mới; đối với đề án khai thác quỹ đất trên địa bàn nhiều xã, phường hoặc xã, thị trấn: Việc phân chia nguồn thu cho từng xã trong tổng số 10% do HĐND cấp huyện quyết định.	10%, nhưng lũy kế số tiền sử dụng đất điều tiết cho 01 xã không quá 05 tỷ đồng/năm	0%	0%

	+ Điều tiết cho ngân sách cấp huyện (trong đó, dành không quá 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%	Số thu còn lại sau khi điều tiết cho ngân sách cấp xã, ngân sách cấp tỉnh	0%
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh)	0%	0%	12%
2	Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất không gắn với đề án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)			
a)	Nguồn thu do cấp tỉnh thực hiện			
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng nông thôn mới	10%, nhưng lũy kế số tiền sử dụng đất điều tiết cho 01 xã không quá 05 tỷ đồng/năm	0%	0%
	+ Số thu còn lại sau khi điều tiết ngân sách xã, điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh; Số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%	0%	Số thu còn lại sau khi điều tiết cho xã

b)	Nguồn thu do cấp huyện thực hiện			
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng nông thôn mới	10%, nhưng lũy kế số tiền sử dụng đất điều tiết cho 01 xã không quá 05 tỷ đồng/năm	0%	0%
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp huyện (trong đó, dành không quá 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%	Số thu còn lại sau khi điều tiết cho ngân sách cấp xã, ngân sách cấp tỉnh	0%
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh)	0%	0%	12%
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các phường, thị trấn và xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (gọi chung là ngân sách cấp xã)			
1	Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất từ đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng (sau khi trừ đi chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và các chi phí hợp pháp khác tạo quỹ đất)			
a)	Nguồn thu do cấp tỉnh thực hiện (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh; số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%	0%	100%

b)	Nguồn thu do cấp huyện thực hiện			
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp huyện để chi đầu tư phát triển (trong đó, dành không quá 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%	88%	0%
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh)	0%	0%	12%
2	Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất không gắn với đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)			
a)	Nguồn thu do cấp tỉnh thực hiện (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh; Số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)	0%		100%
b)	Nguồn thu do cấp huyện thực hiện			
	+ Điều tiết cho ngân sách cấp xã để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn	10%, nhưng lũy kế số tiền sử dụng đất điều tiết cho 01 xã không quá 05 tỷ đồng/năm	0%	0%

<p>+ Điều tiết cho ngân sách cấp huyện (trong đó, dành không quá 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; số thu còn lại để chi đầu tư phát triển)</p>	0%	Số thu còn lại sau khi điều tiết cho ngân sách cấp xã, ngân sách cấp tỉnh	0%
<p>+ Điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh (trong đó, dành 10% trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính; 2% để bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh)</p>	0%	0%	12%

Ghi chú: Tỷ lệ % dành để chi sự nghiệp quản lý đất đai, bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh nêu trên, được tính trên tổng nguồn thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh hoặc cấp huyện thực hiện tạo ra nguồn thu trước khi điều tiết cho ngân sách các cấp./.